

Số: 122/NQ-HĐND

Hòa Bình, ngày 06 tháng 12 năm 2018

**NGHỊ QUYẾT**

**Thông qua Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia  
Giảm nghèo bền vững, giai đoạn 2016 - 2020 tỉnh Hòa Bình**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH  
KHÓA XVI, KỲ HỌP THỨ 7**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 1722/QĐ-TTg ngày 02/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 1865/QĐ-TTg ngày 23/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Thông tư số 07/2017/TT-BKHĐT ngày 14/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc Quy định và hướng dẫn một số nội dung tại Quy chế quản lý, điều hành thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia ban hành kèm theo Quyết định số 41/2016/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ;

Xét tờ trình số 130/TTr-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2018 về việc ban hành Nghị quyết thông qua kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững, giai đoạn 2016 - 2020 tỉnh Hòa Bình; báo cáo thẩm tra của Ban Dân tộc của Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh,

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thông qua Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững, giai đoạn 2016 - 2020 tỉnh Hòa Bình.

*(Có Kế hoạch, kèm theo)*

**Điều 2.** Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành kế hoạch thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 5 năm của địa phương để tổ chức thực hiện; định kỳ đánh giá và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết theo quy định của pháp luật.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVI, Kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 06 tháng 12 năm 2018 và có hiệu lực thi hành từ ngày thông qua./v

**Nơi nhận:**

- UBND Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư; Lao động, thương binh và Xã hội; Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh (CT, các PCT);
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT.HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- LĐ Văn phòng HĐND, UBND tỉnh;
- TT Tin học và công báo VP UBND tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐND (07).

**CHỦ TỊCH**



## **KẾ HOẠCH**

**Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững,  
giai đoạn 2016 - 2020 tỉnh Hòa Bình**  
*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 122/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm  
2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh)*

### **I. MỤC TIÊU**

#### **1. Mục tiêu tổng quát**

Tập trung đầu tư phát triển kinh tế - xã hội; thực hiện tốt các chính sách giảm nghèo và an sinh xã hội nhằm xóa đói, giảm nghèo, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân. Đẩy mạnh xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu, nhất là đối với xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn; từng bước tạo điều kiện và nâng cao chất lượng cuộc sống của người nghèo, trước hết là là khu vực vùng cao, vùng đồng bào dân tộc thiểu số; tạo sự chuyển biến mạnh mẽ, toàn diện ở các xã đặc biệt khó khăn, huyện nghèo, thu hẹp khoảng cách giữa vùng thấp và vùng cao, giữa thành thị và nông thôn. Đẩy nhanh tiến độ giảm nghèo bền vững ở vùng nông thôn và các huyện nghèo, xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn; gắn giảm nghèo bền vững với chương trình xây dựng nông thôn mới. Tạo điều kiện cho người nghèo, hộ nghèo được tiếp cận thuận lợi các dịch vụ xã hội cơ bản (y tế, giáo dục, nhà ở, nước sinh hoạt và vệ sinh, tiếp cận thông tin) phấn đấu hoàn thành mục tiêu giảm tỷ lệ hộ nghèo mà Nghị quyết Đại hội đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2016 -2020 đã đề ra.

#### **2. Mục tiêu cụ thể**

- Tiếp tục phấn đấu giảm tỷ lệ hộ nghèo bình quân mỗi năm khoảng 3%, trong đó tỷ lệ hộ nghèo trên địa bàn các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn giảm bình quân từ 4-5%/.

- Phấn đấu đến năm 2020 có 100% thôn, bản khó khăn nhất có đường giao thông được cứng hóa cho xe cơ giới đến trung tâm, 90% thôn bản có công trình thủy lợi đảm bảo năng lực phục vụ sản xuất cho trên 90% diện tích trồng lúa nước.

- Phấn đấu đến năm 2020 có khoảng 80 xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới.

- 100% cán bộ làm công tác giảm nghèo cấp xã, trưởng thôn, bản được tập huấn kiến thức, kỹ năng cơ bản về quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình, chính sách giảm nghèo, xây dựng phát triển cộng đồng.

- 100% cán bộ làm công tác thông tin - truyền thông được đào tạo nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ thông tin tuyên truyền cổ động; 70% xã đặc biệt khó

khăn có điểm thông tin, tuyên truyền cổ động ngoài trời; 100% huyện và 70% xã được trang bị bộ phương tiện tác nghiệp tuyên truyền cổ động.

- 90% các hộ dân thuộc địa bàn xã nghèo được tiếp cận, cung cấp thông tin về chính sách, pháp luật của Đảng và nhà nước; kinh nghiệm sản xuất; tình hình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước thông qua các hình thức báo chí, các xuất bản phẩm và các sản phẩm truyền thông khác.

- 100% hộ nghèo tại các xã đặc biệt khó khăn được hỗ trợ phương tiện nghe nhìn.

- 100% xã có mạng lưới trường mầm non, phổ thông, trung tâm học tập cộng đồng đủ để đáp ứng nhu cầu học tập và phổ biến kiến thức cho người dân.

- Thu nhập của hộ gia đình tham gia các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo tăng 20%/năm trở lên, bình quân mỗi năm có ít nhất 15% hộ gia đình tham gia thoát nghèo, cận nghèo.

- 100% số hộ nghèo có nhu cầu và đủ điều kiện vay vốn sản xuất được xét duyệt cho vay.

- 100% người nghèo, người dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, người sinh sống tại vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn được cấp phát thẻ khám chữa bệnh miễn phí.

- 100% người cận nghèo được hỗ trợ tham gia mua bảo hiểm y tế.

- 100% đối tượng thuộc diện được hưởng chính sách miễn giảm học phí và hỗ trợ học tập được thực hiện đầy đủ.

- 100% hộ nghèo được hỗ trợ tiền điện theo qui định; thực hiện tốt các chính sách khác liên quan đến hộ nghèo, người nghèo, người có thu nhập thấp.

## **II. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI, THỜI GIAN THỰC HIỆN**

### **1. Đối tượng**

- Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo trên phạm vi toàn tỉnh; ưu tiên hộ nghèo dân tộc thiểu số, phụ nữ thuộc hộ nghèo.

- Người dân và cộng đồng trên địa bàn các huyện nghèo, xã nghèo.

- Huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn; xã an toàn khu, xã biên giới, xã đặc biệt khó khăn, thôn, bản đặc biệt khó khăn vùng dân tộc và miền núi theo quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền.

- Các tổ chức và cá nhân có liên quan.

### **2. Phạm vi**

Chương trình được thực hiện trên phạm vi toàn tỉnh; ưu tiên nguồn lực của Chương trình đầu tư cho huyện nghèo, xã nghèo (xã đặc biệt khó khăn; xã biên giới, xã an toàn khu) và thôn, bản đặc biệt khó khăn.

**3. Thời gian thực hiện:** Từ năm 2016 đến năm 2020.

### **III. KINH PHÍ THỰC HIỆN**

- Tổng kinh phí thực hiện dự kiến khoảng 8.200 tỷ đồng trong đó:

+ Ngân sách Trung ương 7.654,5 tỷ đồng trong đó kinh phí thực hiện các nội dung của Chương trình Mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững 973,835 tỷ đồng (vốn đầu tư phát triển là: 712,730 tỷ đồng, vốn sự nghiệp là 261,105 tỷ đồng).

+ Ngân sách địa phương cân đối: 80 tỷ.

+ Vốn vay (WB) thực hiện dự án giảm nghèo giai đoạn II: 315,50 tỷ đồng.

+ Huy động đóng góp từ cộng đồng, doanh nghiệp, các tổ chức quốc tế khoảng 150 tỷ đồng.

### **IV. THỰC HIỆN CÁC CHÍNH SÁCH CHUNG**

#### **1. Chính sách hỗ trợ sản xuất, dạy nghề tạo việc làm, tăng thu nhập cho người nghèo, cận nghèo**

Chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất: Tập trung thực hiện các chính sách hỗ trợ để thúc đẩy hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo có điều kiện phát triển kinh tế phù hợp với thể mạnh của từng địa phương.

Chính sách tín dụng ưu đãi: Đảm bảo hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, học sinh, sinh viên đủ điều kiện được vay vốn tín dụng ưu đãi để phát triển sản xuất, học tập, giải quyết việc làm, xuất khẩu lao động.

Chính sách dạy nghề cho người nghèo: Tổ chức các lớp đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ; xây dựng và biên soạn chương trình, giáo trình dạy nghề, nâng cao chất lượng đào tạo và đội ngũ giáo viên dạy nghề. Gắn đào tạo nghề với tạo việc làm.

Chính sách tạo việc làm và xuất khẩu lao động: Thực hiện tốt việc xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu về thông tin thị trường lao động; tổ chức các sàn giao dịch việc làm định kỳ và các phiên giao dịch việc làm lưu động tại các huyện, thành phố nhất là tại Khu Công nghiệp Lương Sơn để tạo điều kiện cho người nghèo tìm việc làm, tăng thu nhập. Các địa phương, đoàn thể vận động doanh nghiệp bảo trợ, nhận người nghèo vào làm việc để có thu nhập ổn định. Phối hợp với các đơn vị doanh nghiệp có năng lực, uy tín tổ chức tuyên truyền, tư vấn giới thiệu việc làm cho người lao động đi làm việc trong nước và nước ngoài; áp dụng thực hiện đầy đủ các chính sách hỗ trợ xuất khẩu lao động theo quy định. Thực hiện tốt công tác giải quyết việc làm thông qua các chương trình phát triển kinh tế - xã hội, vay vốn giải quyết làm và xuất khẩu lao động.

Chính sách cung cấp dịch vụ khuyến nông - lâm - ngư, chuyển giao khoa học kỹ thuật, xây dựng nông thôn mới: Tổ chức tốt việc thực hiện các mô hình chuyển giao tiên bộ kỹ thuật nông - lâm - ngư nghiệp, chương trình

xây dựng nông thôn mới, tạo điều kiện cho người nghèo, hộ nghèo tiếp cận các chính sách, nguồn lực, thị trường về vốn, lao động, đất đai, khoa học kỹ thuật, thị trường và đầu ra của sản phẩm hàng hóa.

## **2. Hỗ trợ giáo dục và đào tạo**

Thực hiện có hiệu quả các chính sách hỗ trợ giáo dục, đảm bảo 100% đối tượng học sinh thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo được hưởng chính sách theo quy định.

Triển khai việc hướng dẫn các địa phương thực hiện Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC -BLĐTBXH ngày 30 tháng 3 năm 2016 của liên Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Hướng dẫn một số điều của Nghị định 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu và quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống quốc dân và chính sách miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm 2015 - 2016 đến năm học 2020 - 2021 và các chính sách khác theo quy định.

Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các trường học, nhất là tại địa bàn các huyện nghèo, xã, thôn đặc biệt khó khăn. Tăng cường kiểm tra, giám sát, đánh giá tình hình thực hiện các chính sách, chương trình giảm nghèo trong giáo dục và đào tạo.

## **3. Hỗ trợ y tế**

Đảm bảo 100% đối tượng hộ nghèo, hộ cận nghèo, dân tộc thiểu số sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và người sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, hộ mới thoát nghèo, trẻ em dưới 6 tuổi theo quy định được hưởng các chính sách về bảo hiểm y tế. Bố trí kinh phí hỗ trợ mua thẻ bảo hiểm y tế cho người thuộc hộ cận nghèo.

Thực hiện có hiệu quả Quỹ khám chữa bệnh cho người nghèo, đảm bảo người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số đang sinh sống ở vùng khó khăn, người thuộc diện được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng ở cộng đồng và nuôi dưỡng tại Trung tâm bảo trợ xã hội, người mắc bệnh ung thư, chạy thận nhân tạo, mổ tim hoặc các bệnh khác do chi phí cao mà không đủ khả năng chi trả viện phí được hỗ trợ đúng, đủ các chế độ từ Quỹ khám chữa bệnh cho người nghèo theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

Thực hiện tốt công tác khám chữa bệnh cho các đối tượng chính sách xã hội, tạo điều kiện thuận lợi cho đối tượng được tiếp cận với dịch vụ y tế. Triển khai có hiệu quả các chương trình mục tiêu quốc gia tại các xã nghèo, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo, nâng cao mức sống cho nhân dân.

Tập trung đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, đảm bảo các cơ sở y tế thuộc xã nghèo đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế.

## **4. Hỗ trợ nhà ở**

Tiếp tục thực hiện chính sách hỗ trợ về nhà ở theo Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg ngày 26 tháng 4 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở; hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo theo Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg ngày 10 tháng 8 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011 - 2015 (Chương trình hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở theo Quyết định số 167/2008/QĐ-TTg giai đoạn 2).

#### **5. Chính sách trợ giúp pháp lý cho người nghèo**

Thực hiện có hiệu quả Quyết định số 32/2016/QĐ-TTg ngày 08 tháng 8 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách trợ giúp pháp lý cho người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số tại các huyện nghèo xã nghèo, thôn đặc biệt khó khăn giai đoạn 2016 - 2020; Kế hoạch số 126/KH-UBND ngày 9/12/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc triển khai thực hiện Quyết định số 32/2016/QĐ-TTg nhằm đáp ứng đầy đủ nhu cầu tìm hiểu pháp luật và tư vấn kịp thời những vướng mắc về pháp luật của người dân; bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho đối tượng thuộc diện hưởng chính sách hỗ trợ của Nhà nước. Tạo điều kiện thuận lợi cho người nghèo, người dân tộc thiểu số tại vùng đặc biệt khó khăn được tiếp cận với pháp luật và các dịch vụ pháp lý miễn phí, góp phần giảm nghèo, phát triển kinh tế - xã hội. Thực hiện tốt dân chủ ở cơ sở, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, giảm thiểu các vụ việc khiếu kiện tố cáo của người dân.

#### **6. Chính sách hỗ trợ người nghèo, cận nghèo thụ hưởng văn hoá thông tin**

Đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền, đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền như: Xây dựng các phóng sự về giảm nghèo, nêu gương điển hình thoát nghèo, cấp báo và các tờ rơi truyền thông. Củng cố hệ thống thông tin - truyền thông cơ sở và cán bộ thông tin, hỗ trợ phương tiện nghe nhìn cho các hộ nghèo tại các xã đặc biệt khó khăn, đảm bảo đưa thông tin và chính sách giảm nghèo của Đảng, Nhà nước đến được với người dân, ngăn chặn kịp thời các thông tin sai trái nhằm góp phần đảm bảo an ninh, chính trị ở vùng miền núi.

#### **7. Thực hiện Chương trình giảm nghèo đặc thù của tỉnh**

Thực hiện hỗ trợ cho 100% hộ nghèo nhân dịp tết nguyên đán. Kịp thời thăm hỏi, động viên, trợ giúp hộ nghèo khi gặp thiên tai, dịch bệnh và các lý do bất khả kháng khác xảy ra.

Bố trí nguồn lực đầu tư kết cấu hạ tầng cho các thôn bản đặc biệt khó khăn đã được UBND tỉnh phê duyệt.

### **V. THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN THUỘC CHƯƠNG TRÌNH MTQG GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG**

#### **1. Dự án 1: Chương trình 30a**

##### **1.1. Tiêu dự án 1. Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng các huyện nghèo**

Hỗ trợ đường giao thông từ huyện đến trung tâm các xã và hệ thống giao thông trên địa bàn xã; các công trình phục vụ nhu cầu về hoạt động văn hóa trên địa bàn xã gồm trạm chuyên tiếp phát thanh xã, nhà văn hóa, nhà sinh hoạt cộng đồng, khu thể thao xã, thôn, bản, ấp; các công trình y tế đạt chuẩn; các công trình giáo dục đạt chuẩn; các công trình phục vụ nước sinh hoạt cho người dân; cải tạo, xây mới các công trình thủy lợi; các loại công trình hạ tầng khác do cộng đồng đề xuất, phù hợp với phong tục, tập quán, nhu cầu của cộng đồng, phù hợp với mục tiêu của Chương trình và quy định của pháp luật, ưu tiên công trình cho các cộng đồng nghèo, công trình có nhiều người nghèo, phụ nữ hưởng lợi; duy tu, bảo dưỡng công trình hạ tầng cơ sở trên địa bàn các huyện nghèo.

1.2. Tiểu dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn.

- Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế: Tập huấn, chuyển giao kỹ thuật; giống cây trồng, vật nuôi; thiết bị, vật tư, dụng cụ sản xuất; phân bón, thức ăn chăn nuôi, thuốc bảo vệ thực vật, thú y...; Hỗ trợ thông qua khoán chăm sóc, bảo vệ rừng, giao rừng và giao đất để trồng rừng sản xuất; khai hoang, phục hóa, tạo ruộng bậc thang, nương xếp đá; Hỗ trợ phát triển ngành nghề và dịch vụ: nhà xưởng; máy móc thiết bị; vật tư sản xuất; dạy nghề, hướng nghiệp, tiếp cận thị trường, tạo việc làm; Hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã liên kết với người nghèo trong phát triển sản xuất, phát triển ngành nghề, chế biến, tiêu thụ sản phẩm; Hỗ trợ các hoạt động đa dạng hóa sinh kế khác do cộng đồng đề xuất, phù hợp với phong tục, tập quán, nhu cầu của cộng đồng; phù hợp với mục tiêu của Chương trình và quy định của pháp luật.

- Nhân rộng mô hình giảm nghèo: nhân rộng các mô hình giảm nghèo có hiệu quả, mô hình liên kết phát triển sản xuất, phát triển ngành nghề, bảo quản, chế biến, tiêu thụ sản phẩm giữa hộ nghèo, cận nghèo, cộng đồng với doanh nghiệp, mô hình giảm nghèo gắn với an ninh quốc phòng; ưu tiên nhân rộng các mô hình giảm nghèo liên quan đến sinh kế phù hợp với từng vùng, nhóm dân cư; Xây dựng và nhân rộng mô hình tạo việc làm công thông qua thực hiện đầu tư các công trình hạ tầng quy mô nhỏ ở thôn, bản để tăng thu nhập cho người dân; mô hình sản xuất nông, lâm kết hợp, tạo việc làm cho người nghèo gắn với trồng và bảo vệ rừng; mô hình giảm thiểu rủi ro thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu.

1.3. Tiểu dự án 4: Hỗ trợ cho lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài.

Hỗ trợ học nghề, ngoại ngữ và giáo dục định hướng để đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; hỗ trợ tiền ăn, sinh hoạt phí, tiền ở trong thời gian tham gia đào tạo; hỗ trợ tiền đi lại, cung cấp đồ dùng cá nhân thiết yếu; hỗ trợ chi phí khám sức khỏe; làm hộ chiếu, Visa và lý lịch tư pháp để đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài; nâng cao năng lực cán bộ làm công tác đưa người lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài và tuyên truyền viên cơ sở; hỗ trợ



hoạt động tư vấn người lao động đi làm việc ở nước ngoài; tư vấn, giới thiệu việc làm sau khi người lao động về nước tại cơ sở.

## **2. Dự án 2: Chương trình 135**

2.1. Tiểu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng cho các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu, các thôn, bản đặc biệt khó khăn.

Hỗ trợ đầu tư các công trình giao thông nông thôn phục vụ sản xuất, kinh doanh và dân sinh; các công trình cung cấp điện phục vụ sinh hoạt và sản xuất, kinh doanh trên địa bàn thôn, bản; trạm chuyển tiếp phát thanh xã; nhà văn hóa, nhà sinh hoạt cộng đồng; trạm y tế xã đạt chuẩn; các công trình trường, lớp học đạt chuẩn; cải tạo, xây mới các công trình thủy lợi nhỏ; các công trình phục vụ nước sinh hoạt cho người dân; các loại công trình hạ tầng quy mô nhỏ khác do cộng đồng đề xuất, phù hợp với phong tục, tập quán, nhu cầu của cộng đồng, phù hợp với mục tiêu của Chương trình và quy định của pháp luật; ưu tiên tạo việc làm, tăng thu nhập từ công trình cho các cộng đồng nghèo, công trình có nhiều người nghèo, phụ nữ hưởng lợi. Duy tu, bảo dưỡng công trình cơ sở hạ tầng trên địa bàn.

2.2. Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu, các thôn, bản đặc biệt khó khăn

- Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế: hỗ trợ phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản: tập huấn, chuyển giao kỹ thuật; giống cây trồng, vật nuôi; thiết bị, vật tư, dụng cụ sản xuất; phân bón, thức ăn chăn nuôi, thuốc bảo vệ thực vật, thú y; hỗ trợ làm chuồng trại chăn nuôi, cải tạo ao nuôi thủy sản...; Hỗ trợ tạo đất sản xuất gồm: cải tạo đất sản xuất, tạo ruộng bậc thang, nương xếp đá; Hỗ trợ phát triển ngành nghề và dịch vụ: nhà xưởng; máy móc thiết bị; vật tư sản xuất; dạy nghề, hướng nghiệp, tiếp cận thị trường, tạo việc làm; Hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã liên kết với người nghèo trong phát triển sản xuất, phát triển ngành nghề, chế biến, tiêu thụ sản phẩm. Hỗ trợ các hoạt động đa dạng hóa sinh kế khác do cộng đồng đề xuất, phù hợp với phong tục, tập quán, nhu cầu của cộng đồng; phù hợp với mục tiêu của Chương trình và quy định của pháp luật.

- Nhân rộng mô hình giảm nghèo: nhân rộng các mô hình giảm nghèo có hiệu quả, mô hình liên kết phát triển sản xuất, phát triển ngành nghề, chế biến, tiêu thụ sản phẩm giữa hộ nghèo, cận nghèo, cộng đồng với doanh nghiệp; mô hình giảm nghèo gắn với an ninh quốc phòng; ưu tiên nhân rộng các mô hình giảm nghèo liên quan đến sinh kế phù hợp với từng vùng, nhóm dân cư; xây dựng và nhân rộng mô hình tạo việc làm công thông qua thực hiện đầu tư các công trình hạ tầng quy mô nhỏ ở thôn, bản để tăng thu nhập cho người dân; mô hình sản xuất nông, lâm kết hợp, tạo việc làm cho người nghèo gắn với trồng và bảo vệ rừng; mô hình giảm thiểu rủi ro thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu.

2.3. Tiêu dự án 3: Nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ cơ sở các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu; thôn bản đặc biệt khó khăn

Hỗ trợ nâng cao năng lực cho cán bộ cơ sở các xã đặc biệt khó khăn, xã an toàn khu; các thôn, bản đặc biệt khó khăn về quy trình, kỹ năng tổ chức thực hiện Chương trình, các vấn đề liên quan khác trong giảm nghèo; nâng cao năng lực cho cộng đồng các xã đặc biệt khó khăn, xã an toàn khu; các thôn, bản đặc biệt khó khăn để đảm bảo tăng cường sự tham gia của cộng đồng vào các khâu lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và giám sát cộng đồng với các hoạt động của Chương trình.

### **3. Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn các xã ngoài Chương trình 30a và Chương trình 135**

- Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế: hỗ trợ phát triển sản xuất nông, lâm, ngư, diêm nghiệp: Tập huấn, chuyển giao kỹ thuật; giống cây trồng, vật nuôi; thiết bị, vật tư, dụng cụ sản xuất; phân bón, thức ăn chăn nuôi, thuốc bảo vệ thực vật, thú y; hỗ trợ phát triển ngành nghề và dịch vụ: nhà xưởng; máy móc thiết bị; vật tư sản xuất; dạy nghề, hướng nghiệp, tiếp cận thị trường, tạo việc làm; hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã liên kết với người nghèo trong phát triển sản xuất, phát triển ngành nghề, chế biến, tiêu thụ sản phẩm; hỗ trợ các hoạt động đa dạng hóa sinh kế khác do cộng đồng đề xuất, phù hợp với phong tục, tập quán, nhu cầu của cộng đồng; phù hợp với mục tiêu của Chương trình và quy định của pháp luật.

- Nhân rộng mô hình giảm nghèo: nhân rộng các mô hình giảm nghèo có hiệu quả, mô hình liên kết phát triển sản xuất, phát triển ngành nghề, bảo quản, chế biến, tiêu thụ sản phẩm giữa hộ nghèo, cận nghèo, cộng đồng với doanh nghiệp; mô hình giảm nghèo gắn với an ninh quốc phòng; ưu tiên nhân rộng các mô hình giảm nghèo liên quan đến sinh kế phù hợp với từng vùng, nhóm dân cư; xây dựng và nhân rộng mô hình tạo việc làm công thông qua thực hiện đầu tư các công trình hạ tầng quy mô nhỏ ở thôn, bản; mô hình sản xuất nông, lâm kết hợp, tạo việc làm cho người nghèo gắn với trồng và bảo vệ rừng; mô hình giảm thiểu rủi ro thiên tai và thích ứng biến đổi khí hậu.

### **4. Dự án 4: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin**

- Truyền thông về giảm nghèo: xây dựng, tổ chức thực hiện các chương trình thông tin và truyền thông về công tác giảm nghèo; xây dựng, phát triển mạng lưới cán bộ tuyên truyền viên, báo cáo viên về giảm nghèo từ tỉnh, huyện, xã; tổ chức các hoạt động đối thoại chính sách về giảm nghèo; phát triển, tăng cường hoạt động Trang thông tin điện tử về giảm nghèo.

- Giảm nghèo về thông tin: đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác thông tin và truyền thông tại cơ sở; ưu tiên cho cán bộ cấp xã và cấp thôn, bản; hỗ trợ sản xuất, biên tập, phát sóng, phát hành, truyền tải, lưu trữ, quảng bá, phục vụ người đọc các sản phẩm báo chí, sản phẩm thông tin có tính chất báo chí, các chương trình phát thanh,

chương trình truyền hình, xuất bản phẩm và các sản phẩm thông tin khác để phổ biến chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; phổ biến các kinh nghiệm, gương điển hình và các thông tin thiết yếu khác; hỗ trợ phương tiện nghe, xem cho các hộ nghèo thuộc các dân tộc ít người; hộ nghèo tại các xã đặc biệt khó khăn; trang bị phương tiện tác nghiệp phục vụ thông tin cổ động tại huyện, xã; xây dựng các điểm tuyên truyền, cổ động cố định ngoài trời; xây dựng nội dung chương trình cổ động cho các đội thông tin cơ sở; hỗ trợ thiết lập 02 cụm thông tin cơ sở tại các khu vực trung tâm giao thương.

#### **5. Dự án 5: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình**

Hỗ trợ xây dựng tài liệu và đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ; tổ chức học tập, trao đổi kinh nghiệm trong và ngoài nước; tổ chức hội thảo, hội nghị về giảm nghèo; tổ chức thực hiện kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện các chính sách, chương trình, dự án giảm nghèo định kỳ, hàng năm hoặc đột xuất (khi cần thiết); rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hàng năm; tổ chức điều tra, đánh giá đầu kỳ, giữa kỳ và cuối kỳ ở các cấp; xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu và phần mềm quản lý dữ liệu giảm nghèo ở các cấp.

### **VI. MỘT SỐ NHIỆM VỤ CỤ THỂ**

Triển khai đồng bộ các chủ trương, cơ chế, chính sách phù hợp với thực tiễn; phát huy những kết quả đã đạt được; Huy động sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị - xã hội để thực hiện thành công mục tiêu giảm nghèo giai đoạn 2016-2020. Trong đó tập trung vào một số giải pháp chủ yếu sau:

1. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo đối với chương trình giảm nghèo. Xây dựng, ban hành hệ thống các văn bản chỉ đạo, điều hành tổ chức thực hiện Chương trình. Tổ chức quán triệt đầy đủ các Chỉ thị, Nghị quyết của Trung ương và của tỉnh về công tác giảm nghèo tới các cơ quan, đơn vị và các địa phương.

2. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền làm thay đổi nhận thức của người dân trong việc giảm nghèo bền vững nhằm khơi dậy ý chí chủ động vươn lên của người nghèo; biểu dương, động viên kịp thời các gương điển hình có hiệu quả về giảm nghèo, phê phán các trường hợp lợi dụng chính sách, không có ý chí vươn lên, không muốn thoát nghèo.

3. Triển khai thực hiện có hiệu quả các chính sách giảm nghèo bền vững của Nhà nước ban hành, đảm bảo người nghèo được thụ hưởng đúng, đủ, kịp thời các chính sách. Tăng cường sự tham gia của người dân trong suốt quá trình thực hiện Chương trình, từ khâu xác định đối tượng thụ hưởng đến khâu lập kế hoạch, kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện để đảm bảo tính công khai, minh bạch và tính trách nhiệm trong quá trình thực hiện. Luân chuyển hỗ trợ mô hình sinh kế có hiệu quả để nhân rộng cho nhiều hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo khác được tham gia.

4. Lồng ghép việc thực hiện các chính sách hỗ trợ giảm nghèo nói chung và các chính sách giảm nghèo đặc thù với các dự án thuộc Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững ở các xã, thôn/bản đặc biệt khó khăn, với Chương trình xây dựng Nông thôn mới và các chương trình, dự án phát triển kinh tế, xã hội.

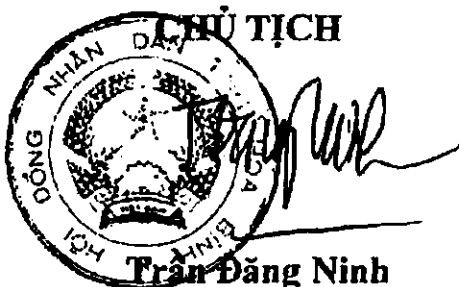
5. Tập trung đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu thời kỳ công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước. Đẩy mạnh chuyển giao khoa học kỹ thuật, công nghệ cho người nghèo, tạo điều kiện, cơ hội cho người nghèo áp dụng khoa học kỹ thuật vào đời sống sản xuất, tạo ra các sản phẩm hàng hóa, tăng thu nhập, cải thiện đời sống.

6. Nâng cao vai trò, trách nhiệm của các ngành, các cấp, các tổ chức đoàn thể, các đơn vị doanh nghiệp trong việc thực hiện công tác giảm nghèo, nhằm huy động tổng hợp các nguồn lực xã hội hỗ trợ giúp đỡ các hộ nghèo, xã nghèo thông qua các chương trình phát triển kinh tế - xã hội, thực hiện phân bổ và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực đầu tư dành cho công tác giảm nghèo theo thứ tự ưu tiên tạo điều kiện để hộ nghèo thoát nghèo bền vững, tránh tái nghèo.

7. Xây dựng kế hoạch giảm nghèo đến năm 2020 và hàng năm, phân giao trách nhiệm cụ thể, rõ ràng cho cấp ủy, chính quyền các cấp và cán bộ phụ trách công tác giảm nghèo. Định hướng xác định rõ nhu cầu của người dân trong thực hiện các nguồn vốn hỗ trợ sản xuất đảm bảo đúng mục đích, quy hoạch, đúng đối tượng. Khi phân bổ vốn đầu tư phải có trọng tâm, trọng điểm gắn với mục tiêu xây dựng nông thôn mới; tránh đầu tư dàn trải, gây nợ đọng, thất thoát nguồn vốn. Báo cáo, đề xuất với cấp ủy cùng cấp có biện pháp chỉ đạo phù hợp, hiệu quả.

8. Tăng cường công tác quản lý và sử dụng có hiệu quả quỹ Vì người nghèo. Làm tốt công tác phân loại hộ nghèo để có giải pháp hỗ trợ cho phù hợp (nghèo do thiếu vốn, thiếu kỹ thuật; nghèo do ốm đau bệnh tật; nghèo do lười ...).

9. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện gắn với sơ kết, tổng kết, rút ra bài học kinh nghiệm trong công tác tổ chức triển khai chương trình giảm nghèo; đặc biệt coi trọng vai trò của cấp cơ sở, đảm bảo sự tham gia của người dân trong việc giám sát và đánh giá. Xây dựng cơ chế và chỉ tiêu giám sát ở cấp xã, thôn bản cho phù hợp với trình độ dân trí, đặc điểm của địa phương. /s/

**CHỦ TỊCH**  
  
**Trần Đăng Ninh**